

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

1. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)

a. Bối cảnh lịch sử

- Dưới thời vua Gia Long, bộ máy nhà nước phong kiến đã được kiện toàn một bước nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu tính thống nhất.

+ Cơ cấu hành chính phân chia nhiều tầng quản lí, có nguy cơ xuất hiện tình trạng lạm quyền của quan lại địa phương.

+ Mâu thuẫn xã hội gay gắt, làm bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân và các dân tộc ít người.

=> *Yêu cầu đặt ra là:* Kiện toàn bộ máy chính quyền, thực hiện nhất thể hoá các đơn vị hành chính trong cả nước.

b. Nội dung cuộc cải cách

+ *Về chính trị và hành chính*

- Đổi tên nước Việt Nam thành Đại Nam.

- củng cố địa vị của Nho giáo làm chỗ dựa cho vương quyền.

- *Ở cấp trung ương:*

Kiện toàn các cơ quan văn phòng trực tiếp giúp việc cho nhà vua (Văn thư phòng, Hàn lâm viện, Cơ mật viện).

Các cơ quan chuyên trách đứng đầu là lục bộ, được quy định chặt chẽ hơn. Thượng thư lục bộ hợp cùng trưởng quan của Đô sát viện, Đại lý tự và Thông chính sứ ty hợp thành Cửu khanh của triều đình.

- *Ở địa phương:*

Năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước làm 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên (Kinh sư).

Hệ thống hành chính phân cấp gồm: tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng, xã. Cơ quan quản lí cấp tỉnh gồm hai ty là Bô chánh sứ ty (phụ trách đình, điền, hộ tịch) và Án sát sứ ty (coi về hình án).

+ *Về kinh tế*

- Năm 1836, vua Minh Mạng cho triển khai đo đạc lại ruộng đất ở Nam Bộ, lập sổ địa bạ để quản lí.

- Quy định lại chính sách thuế đối với thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán.

+ *Về quốc phòng, an ninh*

- Quân đội được tổ chức theo phương châm “tinh nhuệ”, học hỏi mô hình tổ chức và phiên chế của phương Tây.

- Coi trọng phát triển lực lượng thủy quân và tăng cường các hoạt động xây dựng pháo đài, tuần soát trên biên.

+ *Về văn hóa - giáo dục*

- Độc tôn Nho giáo, hạn chế Phật giáo và cấm đoán Thiên Chúa giáo.

- Năm 1820, cho lập Quốc sử quán làm nhiệm vụ thu thập và biên soạn sách sử.

- Năm 1822, vua Minh Mạng cho mở lại các kì thi Hội, thi Đình, khuyến khích hoạt động giáo dục Nho học.

c. Kết quả và ý nghĩa

- *Kết quả:*

+ Tăng cường tính thống nhất của quốc gia.

+ Chế độ trung ương tập quyền chuyên chế và quyền lực của hoàng đế được củng cố, thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

- *Ý nghĩa:*

+ Cuộc cải cách của vua Minh Mạng là một cuộc cải cách khá toàn diện trên các lĩnh vực hành chính, kinh tế, văn hoá, giáo dục. Trong đó, trọng tâm là cải cách hành chính.

+ Cuộc cải cách hành chính đã có tác động tích cực đến sự ổn định về nhiều mặt của Đại Nam.

+ Một số giá trị trong xây dựng mô hình, cơ chế vận hành bộ máy chính quyền, xây dựng đội ngũ quan lại thanh liêm đã để lại bài học kinh nghiệm hữu ích cho cải cách hành chính Việt Nam hiện nay.

2. Vị trí và tầm quan trọng của biển Đông.

a. Vị trí của Biển Đông

- Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km², nằm trong khoảng từ 3°N đến 26°B và từ 100°Đ đến 121°Đ.

- Việc kết nối giữa Biển Đông với các biển và đại dương xung quanh được thực hiện thông qua các eo biển: Đài Loan, Lu-dông, Xin-ga-po và Ma-lắc-ca, Ca-li-man-tan.

- Biển Đông được bao bọc bởi 9 quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia và vùng lãnh thổ là Đài Loan.

b. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

+ *Tuyến đường giao thông biển huyết mạch*

- Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế, tập trung các tuyến đường biển huyết mạch kết nối: Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương.

- Là tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ hai của thế giới (chỉ sau Địa Trung Hải).

- Biển Đông có vai trò quan trọng về địa chiến lược, an ninh quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế. Nằm trên ngã tư đường hàng hải quốc tế, lượng hàng hoá quan trọng như dầu mỏ, khí đốt đều qua ngã Biển Đông.

+ *Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*

- Biển Đông là nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội và văn hoá đa dạng của thế giới trên cơ sở giao thoa của các nền văn hoá, văn minh của nhân loại trong khu vực.

- Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng của cả châu Á – Thái Bình Dương và châu Mỹ.

- Hiện nay, Biển Đông vẫn giữ tầm quan trọng và vị thế địa chiến lược trọng yếu. Các nước lớn đều xác định có lợi ích chiến lược ở Biển Đông.

+ *Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển*

- Biển Đông có đa dạng sinh học cao .

- Biển Đông rất giàu có về tài nguyên khoáng sản, nhất là dầu khí và khí đốt đóng băng.

c. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

+ *Vị trí, đặc điểm của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa*

- Quần đảo Hoàng Sa nằm trong phạm vi từ khoảng 15°45'B đến 17°15'B, từ 111°Đ đến 113°Đ, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 170 hải lí và cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lí.

- Quần đảo Trường Sa nằm trong phạm vi từ 6°30'B đến 12°00'B, từ 111°30'Đ đến 117°20'Đ, cách vịnh Cam Ranh (tỉnh Khánh Hoà) khoảng 248 hải lí.

+ *Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa*

- *Về vị trí:* quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm án ngữ đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, giữa châu Âu, châu Phi, Trung Cận Đông với vùng Đông Á.

- *Về kinh tế:* quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có nhiều loại hải sản quý có giá trị kinh tế và giá trị dinh dưỡng cao. Quần đảo Trường Sa còn có thể mạnh về dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản.

- Về quân sự: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược cũng như có vị thế phòng thủ chắc chắn.

3. Việt Nam và biển Đông

a. Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam

+ Về quốc phòng, an ninh

- Biển Đông là tuyến phòng thủ phía đông của đất nước.

- Hệ thống các đảo, quần đảo giúp Việt Nam kiểm soát các tuyến đường biển qua lại trên Biển Đông, hình thành thế phòng thủ liên hoàn biển - đảo - bờ để bảo vệ các vùng biển và lãnh thổ trên đất liền của Tổ quốc.

+ Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

- Biển Đông cung cấp nguồn hải sản, đặc biệt là nguồn giống hải sản tự nhiên cho nghề khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản.

- Cung cấp nguồn tài nguyên dầu khí, quặng sa khoáng

- Bờ biển dài có thể xây dựng cảng biển nước sâu và nhiều loại cảng khác phục vụ cho ngành giao thông hàng hải.

- Biển Đông có tiềm năng phát triển du lịch, thúc đẩy giao thương với các nước trong khu vực và trên thế giới.

b. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

+ Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

- Thế kỉ XVII, Việt Nam xác lập và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa liên tục hòa bình và không có tranh chấp. Các chúa Nguyễn thành lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thế kỉ XVIII, Các chính quyền Tây Sơn và Triều Nguyễn tiếp tục duy trì những hoạt động thực thi chủ quyền biển đảo trên Biển Đông, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- 1884-1945: Chính quyền thuộc địa Pháp thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, cũng như các đảo và vùng biển của Biển Đông theo tinh thần Hiệp ước Pa-tơ-nốt 6-6-1884.

- 1950: Pháp giao lại quyền quản lý Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cho chính quyền quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng.

- 1955-1975: Sau Hiệp định Giơ-nevơ (1954), quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 nên thuộc quyền quản lý của Chính quyền Quốc gia Việt Nam

- Từ năm 1955, chuyển giao cho Việt Nam Cộng hoà tiếp tục quản lý trực tiếp quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Việt Nam Cộng Hoà cho dựng bia chủ quyền và tiến hành các hoạt động quản lý ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, Ngày 14 - 2 - 1975, Việt Nam Cộng hoà công bố Sách trắng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Tháng 4 - 1975, quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tiếp quản các đảo và triển khai thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa.

- Từ năm 1976 đến nay: Tháng 7 - 1976, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước trên toàn lãnh thổ Việt Nam trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

+ Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Là quốc gia có chủ quyền đầy đủ đối với các vùng biển trên Biển Đông, Việt Nam luôn thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Việt Nam đã và đang thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

4. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

a. Những văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền

- Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (1977).
- Tuyên bố xác định đường cơ sở thẳng ven bờ lục địa Việt Nam gồm 10 đoạn nối 11 điểm (năm 1982).
- Luật Biên giới quốc gia khẳng định chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa (năm 2003).
- Luật Biển Việt Nam (năm 2012, có hiệu lực từ ngày 1/1/2013).
- Luật Cảnh sát biển Việt Nam (năm 2018).
- Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 (năm 2018).

b. Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS)

- Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (gọi tắt là UNCLOS 1982), là một văn kiện pháp lý đa phương đồ sộ, bao gồm 320 Điều khoản và 9 Phụ lục, với hơn 1000 quy phạm pháp luật.
- Theo Công ước, các quốc gia ven biển có 5 vùng biển: vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.
- Công ước Luật Biển năm 1982 đã tạo ra một trật tự pháp lý mới trên biển, tương đối công bằng và được thừa nhận rộng rãi.

c. Ban hành luật Biển Việt Nam năm 2012

- Luật Biển Việt Nam được xây dựng bắt đầu từ năm 1998, có hiệu lực thi hành từ năm 2013. Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều.
- Ban hành Luật Biển Việt Nam là hoạt động lập pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về biển, đảo, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của mình.

d. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)

- Năm 2002, 10 nước ASEAN và Trung Quốc ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).
- Việt Nam tích cực tham gia soạn thảo và thương lượng nội dung các quy định trong DOC, tuân thủ các cam kết trong DOC, đồng thời yêu cầu các nước liên quan thực hiện đúng các cam kết trong văn kiện.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HỌA

Câu 1. Vua Minh Mạng là vị vua thứ mấy của vương triều Nguyễn?

- A. Thứ nhất. B. Thứ hai. C. Thứ ba. D. Thứ tư.

Câu 2. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng được tiến hành vào khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Nửa đầu thế kỉ XV. B. Nửa đầu thế kỉ XVI.
C. Nửa đầu thế kỉ XVIII. D. Nửa đầu thế kỉ XIX.

Câu 3. Bộ máy nhà nước dưới thời vua Gia Long của nhà Nguyễn bộc lộ nhiều hạn chế và

- A. thiếu tính thống nhất. B. thiếu hệ thống pháp lý.
C. thiếu hệ thống quân đội. D. thiếu tính chuyên nghiệp.

Câu 4. Tên nước Việt Nam xuất hiện dưới thời vua nào dưới đây?

- A. Vua Hồ Quý Ly. B. Vua Lê Thánh Tông.
C. Vua Gia Long. D. Vua Minh Mạng.

Câu 5. Vua Minh Mạng đã đổi tên nước ta thành

- A. Việt Nam. B. Đại Việt. C. Đại Nam. D. An Nam.

Câu 6. Vua Minh Mạng đã lập ra chế độ nào sau đây để thay mặt nhà vua thanh tra các địa phương có tình trạng bất ổn về chính trị, kinh tế, xã hội?

- A. Chế độ Cơ mật viện. B. Chế độ Lục Bộ.
C. Chế độ Kinh lược sứ. D. Chế độ Giám sát, thanh tra.

Câu 7. Dưới thời vua Minh Mạng, nơi nào được coi là "*nơi khu mật của nhà nước, không phải người dự việc cấm không được vào*"?

- A. Văn thư phòng.
- B. Hàn lâm viện.
- C. Cơ mật viện.
- D. Đô sát viện.

Câu 8. Dưới thời vua Minh Mạng, nơi nào được coi là "*nơi có nhiệm vụ dự bàn những việc cơ mưu trọng yếu, giúp đỡ việc quân sự*" cho triều đình.?

- A. Văn thư phòng.
- B. Hàn lâm viện.
- C. Cơ mật viện.
- D. Đô sát viện.

Câu 9. Cuộc cải cách hành chính địa phương năm 1831-1832, vua Minh Mạng đã bãi bỏ Bắc thành và

- A. Sài Gòn - Chợ Lớn.
- B. Gia Định thành.
- C. phủ Thừa Thiên.
- D. Nam thành.

Câu 10. Cuộc cải cách hành chính địa phương năm 1831-1832, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 63 tỉnh thành.
- B. 36 tỉnh thành.
- C. 30 tỉnh và 1 phủ.
- D. 30 tỉnh và 2 thành.

Câu 11. Quân đội thời vua Minh Mạng học hỏi theo mô hình, phiên chế của phương Tây và được tổ chức theo phương châm

- A. "tinh nhuệ".
- B. "ngụ binh ư nông".
- C. "tăng cường quân số địa phương".
- D. "tăng cường vũ khí hiện đại".

Câu 12. Để nông dân làng xã có ruộng cày cấy, vua Minh Mạng đã cho đo đạc lại ruộng đất và khôi phục chế độ

- A. ruộng đất tư.
- B. ruộng đất công.
- C. ruộng đất hợp tác xã.
- D. ruộng đất nhà vua.

Câu 13. Vua Minh Mạng đặc biệt coi trọng phát triển lực lượng quân đội nào để đảm bảo an ninh đất nước trước các mối đe dọa bị xâm lược?

- A. Lực lượng tượng binh.
- B. Lực lượng bộ binh.
- C. Lực lượng thủy quân.
- D. Lực lượng kỵ binh.

Câu 14. Thời nhà Nguyễn, tư tưởng nào giữ vai trò độc tôn trong việc củng cố và duy trì chế độ chuyên chế phong kiến tập quyền?

- A. Tư tưởng Phật giáo.
- B. Tư tưởng Đạo giáo.
- C. Tư tưởng Thiên Chúa giáo.
- D. Tư tưởng Nho giáo.

Câu 15. Vua Minh Mạng cho lập cơ quan nào sau đây để làm nhiệm vụ thu thập và biên soạn lịch sử?

- A. Quốc sử viện.
- B. Quốc sử quán.
- C. Quốc tử giám.
- D. Hàn lâm viện.

Câu 16. Cơ quan nào sau đây được vua Minh Mạng thành lập năm 1832 có nhiệm vụ can gián nhà vua, giám sát, vạch lỗi các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương, giám sát việc thi hành luật pháp và quy định của triều đình?

- A. Nội các.
- B. Đô sát viện.
- C. Cơ mật viện.
- D. Hàn lâm viện.

Câu 17. Dưới thời vua Minh Mạng có quy định người làm quan không được nhậm chức ở quê quán, trú quán của mình, cũng không được làm việc tại cơ quan công quyền ở quê mẹ, quê vợ...Quy định này có tên là

- A. chế độ Hồi tị.
- B. chế độ Hồi hương.
- C. chế độ Hồi quan.
- D. chế độ Thổ tri.

Câu 18. Khu vực Nam Kỳ (Nam bộ) sau cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng được chia thành mấy tỉnh?

- A. 5 tỉnh.
- B. 6 tỉnh.
- C. 7 tỉnh.
- D. 4 tỉnh.

Câu 19. Trọng tâm cải cách của vua Minh Mạng là

A. kinh tế. B. giáo dục. C. văn hóa. D. hành chính.

Câu 20. Kết quả lớn nhất cuộc cải cách của vua Minh Mạng mang đến là

- A. kinh tế phát triển mạnh mẽ. B. hoạt động đối ngoại sôi động.
C. tăng cường tính thống nhất của quốc gia. D. văn hóa đặc sắc phong phú.

Câu 21. Biển Đông là "cầu nối" giữa Ấn Độ Dương và

- A. Thái Bình Dương. B. Đại Tây Dương.
C. Bắc Băng Dương. D. Nam Đại Dương.

Câu 22. Biển Đông được bao bọc bởi bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

- A. 7 quốc gia - 1 vùng lãnh thổ. B. 8 quốc gia - 2 vùng lãnh thổ.
C. 9 quốc gia - 1 vùng lãnh thổ. D. 10 quốc gia - 2 vùng lãnh thổ.

Câu 23. Quốc gia nào sau đây không nằm trong khu vực Biển Đông?

- A. Trung Quốc. B. Phi-líp-pin.
C. Cam pu-chia. D. My- an- ma.

Câu 24. Eo biển nào thuộc Biển Đông đóng vai trò quan trọng bậc nhất châu Á, tạo nên "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều quốc gia, lượng hàng hóa lớn?

- A. Eo biển Đài Loan. B. Eo biển Ca-li-man- tan.
C. Eo biển Ba-si. D. Eo biển Ma-lắc-ca.

Câu 25. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là tuyến đường vận tải biển nhộn nhịp đứng thứ mấy trên thế giới?

- A. Thứ nhất. B. Thứ hai. C. Thứ ba. D. Thứ tư.

Câu 26. Biển Đông trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước lớn trên thế giới vì đây là

A. địa bàn chiến lược quan trọng, nơi tập trung nhiều mô hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa đa dạng của thế giới.

B. nơi giao thoa các nền văn minh nhân loại, kinh tế phát triển mạnh hàng đầu thế giới.

C. khu vực giao thoa của các nền văn hóa lớn thế giới, kinh tế tất cả các nước đều phát triển mạnh hàng đầu thế giới.

D. khi vực nhiều tài nguyên, khoáng sản quý của thế giới.

Câu 27. Tài nguyên nào sau đây ở Biển Đông được đánh giá là một trong năm bồn trũng lớn nhất thế giới?

- A. Hải sản. B. Động vật biển. C. Vàng bạc. D. Dầu khí.

Câu 28. Nguồn năng lượng nào sau đây ở Biển Đông được đánh giá là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai?

- A. Khí đốt mê-tan. B. Khí đốt đóng băng (băng cháy).
C. Khí đốt dầu khí. D. Than đá.

Câu 29. Quần đảo nào sau đây cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lý?

- A. Quần đảo Hoàng Sa. B. Quần đảo Trường Sa.
C. Đảo Phú Quốc. D. Nhóm đảo An Vĩnh.

Câu 30. Quần đảo Hoàng Sa (trực thuộc huyện Hoàng Sa) ngày nay là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh, thành nào?

- A. Tỉnh Khánh Hòa. B. Tỉnh Quảng Ngãi.
C. Thành phố Đà Nẵng. D. Thành phố Nha Trang.

Câu 31. Quần đảo Hoàng Sa gồm 37 đảo, đá, bãi cạn chia làm hai nhóm, nhóm phía đông có tên là nhóm An Vĩnh và nhóm phía tây là nhóm

- A. Hoàng Sa. B. Lưỡi Liềm.
C. Phú Lâm. D. Tri Tôn.

Câu 32. Đảo rộng nhất của quần đảo Trường Sa là đảo

- A. Trường Sa. B. Song Tử Tây.
C. Đá Lớn. D. Ba Bình.

Câu 33. Đảo có độ cao cao nhất của quần đảo Trường Sa là đảo

A. Trường Sa.

B. Song Tử Tây.

C. Đá Lớn.

D. Ba Bình.

Câu 34. Huyện đảo Trường Sa hiện nay là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh, thành nào sau đây?

A. Tỉnh Khánh Hòa.

B. Tỉnh Quảng Ngãi.

C. Thành phố Đà Nẵng.

D. Thành phố Nha Trang.

Câu 35. Hệ thống đảo, quần đảo ở vùng biển Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có tầm quan trọng chiến lược đối với

A. phát triển kinh tế biển.

B. phát triển khai thác dầu khí.

C. quốc phòng, an ninh.

D. chiến lược đối ngoại.

Câu 36. Đề đặt cơ sở pháp lí cho nhà nước quân chủ, năm 1815, nhà Nguyễn đã

A. ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ.

B. đổi quốc hiệu thành Việt Nam.

C. thực hiện cải cách hành chính.

D. thi hành chính sách cấm đạo.

Câu 37. Sau cải cách của vua Minh Mạng, hệ thống hành chính của Đại Nam được phân cấp theo mô hình từ trên xuống, gồm:

A. tỉnh → phủ → huyện/châu → tổng → xã.

B. đạo thừa tuyên → phủ → châu/ huyện → xã.

C. xã → tổng → châu/ huyện → phủ → tỉnh.

D. phủ → tỉnh → huyện/ châu → hương → xã.

Câu 38. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả của cuộc cải cách hành chính dưới thời vua Minh Mạng?

A. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.

B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.

C. Làm xuất hiện mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

D. Cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ, phân định cụ thể.

Câu 39. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí chiến lược về kinh tế của Biển Đông ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương?

A. Là cửa ngõ giao thương quốc tế của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp giáp.

B. Nhiều nước ở Đông Bắc Á, Đông Nam Á có nền kinh tế gắn liền Biển Đông.

C. Biển Đông là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á.

D. Là tuyến hàng hải nhộn nhịp nhất thế giới theo tổng lượng hàng hóa vận chuyển.

Câu 40. Tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông

A. chỉ diễn ra giữa các nước Đông Nam Á.

B. chưa từng xuất hiện trong lịch sử.

C. xuất hiện sớm và khá phức tạp.

D. đã được giải quyết triệt để.

Câu 41. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự đa dạng, phong phú về tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông?

A. Giàu tiềm năng phát triển du lịch do có nhiều bãi cát, vịnh, hang động đẹp.

B. Tài nguyên sinh vật đa dạng với hàng trăm loài động vật, thực vật.

C. Có nhiều tiềm năng để phát triển năng lượng thủy triều, gió,...

D. Biển Đông là bồn trũng duy nhất trên thế giới có chứa dầu khí.

Câu 42. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?

B. Vị trí thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân cho các tàu.

A. Án ngữ những tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục.

C. Giàu tài nguyên, tạo điều kiện để phát triển toàn diện các ngành kinh tế biển.

D. Là điểm khởi đầu của mọi tuyến đường giao thương hàng hải trên thế giới.

Câu 43. Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là

A. Việt Nam.

B. Lào.

C. Campuchia.

D. Thái Lan.

Câu 44. Năm 1816, vua Gia Long lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để

- A. khai thác sản vật
- B. cứu hộ tàu thuyền gặp nạn.
- C. xem xét, đo đạc thủy trình.
- D. dựng miếu thờ và vẽ bản đồ.

Câu 45. Trong các bộ chính sử của các triều đại phong kiến Việt Nam, tên gọi nào dưới đây **không được** dùng để chỉ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?

- A. Bãi Cát Vàng.
- B. Vạn Lý Hoàng Sa.
- C. Vạn Lý Trường Sa.
- D. Bạch Long Vĩ.

Câu 46. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tầm quan trọng về quốc phòng, an ninh của Biển Đông đối với Việt Nam?

- A. Biển Đông là tuyến phòng thủ phía đông của đất nước.
- B. Góp phần bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ,
- C. Là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.
- D. Là địa bàn có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Câu 47. Vị trí địa lí và tài nguyên của Biển Đông tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển nhiều ngành kinh tế, **ngoại trừ** ngành

- A. công nghiệp khai khoáng.
- B. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
- C. giao thông hàng hải.
- D. giao thông đường hàng không.

Câu 48. Việt Nam có thể dựa vào điều kiện tự nhiên nào của Biển Đông để phát triển ngành du lịch?

- A. Đường bờ biển dài, ven biển có nhiều vũng vịnh nước sâu và kín gió.
- B. Biển Đông giàu tài nguyên khoáng sản (titan, thiếc,...), đặc biệt là dầu khí.
- C. Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động....
- D. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng, có giá trị kinh tế cao.

Câu 49. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các lợi ích hợp pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Biển Đông?

- A. Từ chối tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc.
- B. Tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển của Liên hợp quốc.
- C. Đàm phán và kí với các nước láng giềng một số văn kiện ngoại giao quốc tế về biển.
- D. Phối hợp hành động với các nước vì mục đích phát triển bền vững, hợp tác cùng phát triển.

Câu 50. Hiện nay, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp nào sau đây?

- A. Hòa bình.
- B. Không can thiệp.
- C. Sử dụng sức mạnh quân sự.
- D. Ngoại giao pháo hạm.

HẾT